

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-02-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Nhắc
2. Bà Lê Thị Thu Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 281/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Ấp R, xã P, huyện B, tỉnh T (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Ngọc S**, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Khu phố X, thị trấn Y, huyện N, tỉnh T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị H và anh S quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2001, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam tỉnh Bến Tre, được cấp giấy chứng nhận ngày 08/11/2001. Sau khi thành hôn thì vợ chồng sống Khu phố X, thị trấn Y, huyện N, tỉnh T. Đến năm 2019 thì về sống tại ấp Ấp R, xã P, huyện B, tỉnh T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có hai con chung, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, anh S thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn, không quan tâm vợ con; anh S thường xuyên cờ bạc, nhiều lần

thiếu nợ cờ bạc phải cầm tài sản, chị H phải chuộc về và nhiều lần trả nợ cờ bạc thay anh S. Thời gian sau này, chị H làm công nhân, những khi làm tăng ca về thì anh S luôn tìm cơ để gây cãi với chị, dùng những lời lẽ nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người khác và xúc phạm chị. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên can nhưng anh S vẫn không thay đổi. Đến đầu năm 2021 thì những mâu thuẫn nêu trên ngày càng trầm trọng, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân nên thường xuyên cự cãi hơn và xảy ra sự việc anh S đánh chị H. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H xin được ly hôn với anh S. Về con chung: Chị H và anh S có hai con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 25/12/2001 và Nguyễn Tấn L, sinh ngày 18/11/2006. Con chung Nguyễn Thanh T đã trưởng thành, chị H không yêu cầu giải quyết, Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tấn L khi ly hôn, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung, không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Ngọc S trình bày:

Anh S thống nhất với lời trình bày của chị H đề điều kiện tiền tới hôn nhân, đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như chị H trình bày là có, vợ chồng cũng có cãi vã những chuyện nhỏ nhất trong cuộc sống thường ngày, cãi xong rồi thì vợ chồng vẫn vui vẻ; trước đây anh S có cờ bạc, có cầm tài sản để cờ bạc, có thiếu nợ nhưng hiện nay không còn cờ bạc nữa, không còn nợ tiền ai; ngày 25/10/2021 thì vợ chồng có cãi nhau, chị H dùng chảo dầu đang chiên hắt vào hướng anh S đang đứng, không trúng anh S nhưng do nóng tính nên anh S có tát chị H một cái, làm chị H té trúng cái lu bể dẫn đến bầm cằm và vai, trầy trán như 03 ảnh màu mà chị H cung cấp cho Tòa, sự việc xảy ra Công an xã Tân Thành Bình có đến lập biên bản. Anh S xác định vẫn còn tình cảm với chị H, không đồng ý ly hôn, hứa sẽ khắc phục triệt để những nguyên nhân mà chị H đã nêu trên để vợ chồng hàn gắn tình cảm để cùng chăm lo cho các con. Nếu chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân của anh chị thì về con chung anh S đồng ý để chị H trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Tấn L, anh S không cấp dưỡng nuôi con; cháu Nguyễn Thanh T đã trưởng, tự lao động được nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H, cụ thể: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc S. Về con chung: Nguyễn Thanh T, sinh ngày 25/12/2001, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Chị Nguyễn Thị Thu H được quyền nuôi con chung là Nguyễn Tấn L, sinh ngày 18/11/2006, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H đối với anh Nguyễn Ngọc S thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Anh Nguyễn Ngọc S có nơi cư trú tại thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Ngọc S tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Chị H cho rằng hôn nhân giữa chị và anh S không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh S. Theo chị H trình bày thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, anh S thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn, không quan tâm vợ con; anh S thường xuyên cờ bạc, nhiều lần thiếu nợ cờ bạc phải cầm tài sản, chị H phải chuộc về và nhiều lần trả nợ cờ bạc thay anh S. Thời gian sau này, anh S luôn tìm cách gây cãi với chị, nghi ngờ chị H có quan hệ tình cảm với người khác, dùng lời lẽ xúc phạm và đánh chị H. Anh S thừa nhận những nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn mà chị H trình bày là có, anh S không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm tiếp tục chung sống.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh S đã diễn ra trong thời gian dài nhưng anh chị không thể hàn gắn tình cảm được. Anh S không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp để vợ chồng hàn gắn tình cảm, anh S trình bày chấp nhận với tình trạng hôn nhân như hiện tại, không ly hôn vợ chồng mạnh ai nấy sống để các con có đầy đủ cha mẹ. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống

chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh S là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Chị H và anh S có hai con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 25/12/2001 và Nguyễn Tấn L, sinh ngày 18/11/2006. Chị H và anh S Loan thống nhất chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tấn L sau khi ly hôn; con chung Nguyễn Thanh T đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Khi được Tòa án hỏi ý kiến thì Nguyễn Tấn L có nguyện vọng được sống cùng chị H sau khi chị H và anh S ly hôn, ý kiến của cháu L là tự nguyện, không ai ép buộc; sự thỏa thuận của chị H và anh S là phù hợp với nguyện vọng của cháu L. Chị H cũng đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng con. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu Nguyễn Tấn L cả về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H và anh S, giao con chung là Nguyễn Tấn L, sinh ngày 18/11/2006 cho chị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; con chung Nguyễn Thanh T, sinh ngày 25/12/2001, đã trưởng thành, có khả năng lao động, chị H và anh S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung: Chị H và anh S trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về nợ chung: Chị H và anh S trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc S.
2. Về con chung:

Con chung Nguyễn Thanh T, sinh ngày 25/12/2001, đã trưởng thành, có khả năng lao động, chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Ngọc S không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Chị Nguyễn Thị Thu H được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Tấn L, sinh ngày 18/11/2006 khi ly hôn. Anh Nguyễn Ngọc S không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, chị Nguyễn Thị Thu H, anh Nguyễn Ngọc S hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Nguyễn Thị Thu H, anh Nguyễn Ngọc S có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, pH thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh S trình bày không có tài sản chung, không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0001581 ngày 01/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- Các đương sự ^(2b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre ^(1b) ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam ^(1b) ;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam ^(1b) ;
- UBND thị trấn Y ^(1b) ;
- Lưu HS, VP ^(2b) TC:8b .

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

